

Số: /BC-SNN Hà Nam, ngày tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính đến ngày 30/10/2022 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Kế hoạch số 3624/KH-UBND, ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Kế hoạch số 02/KH-SNN, ngày 05/01/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính đến ngày 30/10/2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: 0.
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: 0.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Tổng số TTHC và tổng số văn bản QPPL trong kỳ báo cáo do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện việc thẩm định: 0.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 04.
- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 04.
- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 12; trong đó số TTHC được công khai: 12.
- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 96, (*thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 79, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 07, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 10*); trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 96; số TTHC do địa phương quy định: 0.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch (Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam): 12.
- Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: 12.
- Phương án đơn giản hóa cụ thể: số TTHC giữ nguyên: 67; số TTHC bãi bỏ: 03; số TTHC sửa đổi, bổ sung: 08; số TTHC thay thế: 01; số TTHC liên thông: 0; số TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử: 0.

- Số tiền tiết kiệm được: 0.
- Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được: 0.
- Tỷ lệ đơn giản hóa trong năm 2022 đạt: $173/351 = 49,29\%$.
- Tính lũy kế từ năm 2019 đến 2022 tỷ lệ đơn giản hóa trong năm 2022 đạt: $2043/3265 = 62,57\%$.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: số tiếp nhận mới trong kỳ: 0; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 0; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 0.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 0; trong đó số đã được đăng tải công khai: 0.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: số mới tiếp nhận trong kỳ: 210 (*trực tuyến: 193; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 13*); số từ kỳ trước chuyển qua: 04.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 205; trong đó, giải quyết trước hạn: 196, đúng hạn: 09, quá hạn: 0.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 05; trong đó: trong hạn: 05, quá hạn: 0.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Cơ quan chỉ đạo các phòng, Chi cục trong Sở triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 15/9/2021 của tỉnh ủy Hà Nam về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là hiện đại hóa nền hành chính, hướng đến xây dựng chính quyền số, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính giai đoạn 2021-2025.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cơ quan chỉ đạo cán bộ thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh: Tiếp nhận, số hóa, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ, theo dõi việc giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo quy định; cập nhật hồ sơ đã tiếp nhận vào phần mềm quản lý và cấp mã số hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Chủ động tham mưu, đề xuất sáng kiến cải tiến việc giải quyết TTHC; kịp thời phát hiện, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung, thay đổi hoặc hủy bỏ, bãi bỏ các quy định về TTHC trái Pháp luật, không khả thi hoặc không phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Giao nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên kiểm tra, cập nhật tiến độ xử lý từng hồ sơ trên Phần mềm một cửa để giải quyết TTHC theo quy định. Đồng thời không để xảy ra tình trạng trễ hẹn hồ sơ trên hệ thống.

- Thực hiện Quy chế Quản lý, cung cấp và khai thác thông tin, dịch vụ trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh; Công văn số 1363/UBND-NC ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc báo cáo kết quả chỉ số PAPI, Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS tỉnh Hà Nam năm 2021; Công văn số 599/STTTT-TTBCXB ngày 07/6/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc cập nhật thủ tục hành chính trên Cổng Thông tin điện tử, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cập nhật đầy đủ các thông tin của thủ tục hành chính trên Cổng Thông tin điện tử của Sở kịp thời, chính xác.

- Công tác chuyển đổi số trong Ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến 30/10/2022 như sau:

+ Quyết định số 25/QĐ-SNN, ngày 04/3/2022 về việc Về việc phê duyệt Danh sách thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Ban chỉ đạo gồm: 03 đ/c LĐS và 11 đ/c Thành viên là Thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở; Tổ công tác giúp việc gồm có: 11 chuyên viên giúp việc*).

+ Quyết định số 33/QĐ-BCĐ, ngày 17/3/2022 về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Quy chế gồm có 04 Chương; 14 điều*).

+ Quyết định số 24/KH-SNN, ngày 31/5/2022 về việc Chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022 (*Bản Kế hoạch đã được xin ý kiến góp ý của các cơ quan chuyên môn như: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông, các phòng ban chuyên môn trong Sở*).

+ Công văn số 755/SNN-VP, ngày 19/7/2022 về việc phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh về xây dựng nền tảng phục vụ chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Trong đó: Phân công nhiệm vụ cụ thể của 9 nội dung công việc đối với từng đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp; thời gian thực hiện*).

+ Kế hoạch số 27/KH-SNN ngày 26/7/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Nâng cao chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022 và những năm tiếp theo.

+ Công văn số 750/SNN-VP, ngày 19/7/2022 về việc đôn đốc nâng cao tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích.

+ Công văn số 857/SNN-VP, ngày 09/8/2022 đề nghị phối hợp thực hiện tích hợp tài khoản thanh toán trực tuyến và ký số điện tử trên phần mềm một cửa.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC:

- Thường xuyên phối hợp với các cơ quan truyền thông của tỉnh đẩy mạnh

công tác tuyên truyền, phổ biến khuyến khích người dân, doanh nghiệp thay đổi thói quen nộp, nhận hồ sơ trực tiếp mà thực hiện các giao dịch hành chính, giải quyết TTHC thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đẩy mạnh việc triển khai, thực hiện tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công mức độ 3, 4 theo quy định; đáp ứng mô hình xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh

- Đăng tải nội dung đầy đủ Danh mục TTHC, nội dung từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cổng thông tin điện tử của Sở để người dân, doanh nghiệp quan tâm theo dõi.

- Tăng cường đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước. Thông qua đó đánh giá hiệu quả công tác giải quyết TTHC của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phát huy vai trò giám sát của người dân làm căn cứ đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan nhà nước, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

10. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

- Số lần kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC; hình thức kiểm tra; kết quả kiểm tra:

Hàng tháng, quý đơn vị Văn phòng Sở có các đợt kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận, giải quyết các TTHC, trả kết quả TTHC tại các phòng, Chi cục thuộc Sở. Các đơn vị thuộc Sở đều tiếp nhận, giải quyết TTHC và trả kết quả sớm hơn thời gian quy định, chất lượng hồ sơ đều đảm bảo tốt.

- Việc khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích, việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC:

Hàng năm, các phòng, Chi cục đều tiến hành bình bầu, đề xuất Lãnh đạo Sở khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm soát TTHC; trong cơ quan chưa có trường hợp nào cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Đánh giá chung về hiệu quả, mức độ hoàn thành công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong năm 2022 nói chung đạt được nhiều mặt tích cực. So sánh hiệu quả công tác kiểm soát TTHC năm 2022 với năm 2021 đa số các TTHC đều được quản lý chặt chẽ, dễ đến với người dân và doanh nghiệp hơn, rút ngắn cả về thời gian và các điều kiện không cần thiết những vẫn bảo đảm chặt chẽ để giải quyết các TTHC.

- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC:

+ Đa số cán bộ công chức thực hiện công tác kiểm soát TTHC đều chưa được tập huấn thường xuyên dẫn đến nhiều khi giải quyết các TTHC còn gặp vướng mắc.

+ Cán bộ công chức giải quyết TTHC tại các phòng, đơn vị thuộc Sở chủ yếu là kiêm nhiệm, thực hiện nhiệm vụ khác nhau nên đôi khi còn hạn chế trong xử lý giải quyết thủ tục hành chính.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

1. Đơn vị tiếp tục tập trung rà soát các văn bản quy phạm Pháp luật được các cấp đã ban hành, đề xuất bổ sung, sửa đổi kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và ngành quản lý đúng theo quy định của Pháp luật.

2. Thủ trưởng từng đơn vị, phòng ban chuyên môn chỉ đạo tiếp tục rà soát, các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành thực hiện các qui trình lấy ý kiến để từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm Pháp luật. Đảm bảo tất cả thủ tục hành chính được kiểm soát chặt chẽ và phải được niêm yết công khai, rõ ràng, minh bạch, chính xác.

3. Tiếp tục cập nhật, niêm yết đầy đủ kịp thời các thủ tục hành chính mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, đồng thời đề nghị bãi bỏ hoặc hủy bỏ theo quy định. Đối với TTHC không cần thiết, không phù hợp nhằm cắt giảm chi phí về thời gian và tài chính của người dân và doanh nghiệp. Tổ chức thực hiện nghiêm các thủ tục hành chính đã được công bố, công khai; thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc thực thi các thủ tục hành chính; TTHC phải kịp thời công bố công khai khi có điều chỉnh, bổ sung để tổ chức công dân dễ hiểu, dễ thực hiện.

4. Sắp xếp bố trí đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và số lượng CBCC, các phòng ban, đơn vị theo số lượng biên chế được giao và gắn trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, phòng ban trong việc chỉ đạo thực hiện công tác cải cách tổ chức bộ máy.

5. Tập trung tổ chức thực hiện cơ chế “một cửa” “một cửa liên thông” từ các đơn vị đến Sở, nhằm giảm thời gian giải quyết, tạo sự đồng thuận và tin tưởng với công dân khi đến giao dịch tại cơ quan hành chính nhà nước. Sắp xếp bố trí CBCC có đủ trình độ, năng lực, đạo đức, tác phong để thi hành công vụ.

6. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm chấn chỉnh một cách mạnh mẽ về kỷ luật và kỷ cương trong bộ máy hành chính nhà nước. Kịp thời tuyên dương, khen thưởng CBCC có tinh thần tận tụy phục vụ, đồng thời, xử lý nghiêm đối với CBCC sai phạm.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính đến ngày 30/10/2022; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (*Phòng Kiểm soát TTHC*);
- Ban GD Sở (*để b/c*);
- Các phòng thuộc Sở;
- Các Chi cục thuộc Sở;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Khương Văn Tuyền

Biểu số II.01b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2022
(Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/10/2022)

- Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên dự thảo văn bản QPPL được đánh giá tác động của TTHC	Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động					Số lượng TTHC được quy định tại văn bản (sau khi ban hành)	
		Tổng số TTHC được đánh giá tác động	TTHC được quy định mới	TTHC được sửa đổi, bổ sung	TTHC được bãi bỏ	TTHC được giữ nguyên	Tổng số TTHC được quy định	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản
(1)	(2)	(3) = (4) + (5) + (6) + (7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Không có	0	0	0	0	0	0	0
	TỔNG SỐ	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: Đối với những dự thảo văn bản QPPL chưa được ban hành trong kỳ báo cáo, đề nghị cung cấp/ cập nhật thông tin (tên, số ký hiệu, thời gian ban hành văn bản; số lượng TTHC) tại các kỳ báo cáo kế tiếp.

Biểu số II.02c/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
QUY ĐỊNH TẠI TÀI DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

- Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/10/2022)

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo	Tổng số		Số lượng TTHC được thẩm định theo tên loại VBQPPL			
				Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND	
		TTHC	VBQPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VBQPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VBQPPL
(1)	(2)	(3) = (5)+(7)	(4) = (6)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0	0	0	0	0	0
TỔNG SỐ		0	0	0	0	0	0

Biểu số II.03b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2022
(Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/10/2022)

- Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	04	04	12	0	08	03	12	0	79
	TỔNG CỘNG	04	04	12	0	08	03	12	0	79

Biểu số II.04/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2022
(Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/10/2022)

- Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, triệu đồng, %

STT	Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch	Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa	Phương án đơn giản hóa TTHC						Số lượng TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử	Số tiền tiết kiệm được	Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa
			Số lượng TTHC giữ nguyên	Số lượng TTHC bãi bỏ	Số lượng TTHC sửa đổi bổ sung	Số lượng TTHC thay thế	Số lượng TTHC liên thông	Số lượng TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
I	THEO KẾ HOẠCH RÀ SOÁT CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ/ UBND CẤP TỈNH											
1	TTHC/Nhóm TTHC quy định tại VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan/ UBND cấp tỉnh											
	12	12	67	03	08	01	0	0	0	0	49,29%.	
2	TTHC/Nhóm TTHC quy định tại VBQPPL không thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan/ UBND cấp tỉnh											
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng	12	12	67	03	08	01	0	0	0	0	49,29%.	

Biểu số II.05a/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

- Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kỳ báo cáo: Năm 2022
(Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/10/2022)

Đơn vị tính: Số PAKN.

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN									Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý					
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính		
								Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ					
(1)	(2)	(3) =(4)+(5) =(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (9)+(10) =(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (14)+(15)	(14)	(15)	(16)	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
TỔNG CỘNG		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Biểu số II.06a/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Năm 2022
(Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/10/2022)

- Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Đúng hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)
1	Bảo vệ thực vật	60	60	0	0	59	59	0	0	1	1	0
2	Khoa học, Công nghệ và Môi trường	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
3	Lâm nghiệp	16	16	0	0	16	16	0	0	0	0	0
4	Nông nghiệp	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0
5	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	64	55	8	1	60	60	0	0	4	4	0
6	Thú y	63	56	4	3	63	54	9	0	0	0	0
7	Thủy lợi	5	5	0	0	5	5	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	210	193	13	4	205	196	9	0	5	5	0